



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 045/QĐ-TCTD ngày 29 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 4 tháng 1 năm 2016, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ký ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Giấy chứng nhận đăng ký
Doanh nghiệp số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016

Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển sang mô hình cổ phần hóa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Lý	Thành viên
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Lý	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Thị Lý	Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 28 tháng 2 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 87 Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt
Quận Thanh Xuân, Hà Nội,
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đoàn Liêm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh về thông tin so sánh

Không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính giữa niên độ mô tả việc thông tin so sánh được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh hồi tố.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 (ngày cổ phần hóa) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, mà từ đó các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được trích ra, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính giữa niên độ, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 3 năm 2017.

Trong quá trình soát xét báo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, chúng tôi đã soát xét các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng để điều chỉnh lại thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 (ngày cổ phần hóa) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoài các thủ tục soát xét được áp dụng đối với các điều chỉnh hồi tố trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra bất cứ ý kiến, kết luận hay bất cứ hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính đó. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính giữa niên độ là không phù hợp hay không được áp dụng đúng đắn.

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 (ngày cổ phần hóa) đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, hay bất cứ thuyết minh có liên quan nào và do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về các báo cáo đó.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-188-SX



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.550.642.195.983	1.289.072.795.984
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	85.345.922.876	55.595.634.518
Tiền	111		85.345.922.876	55.595.634.518
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.771.312.461	24.771.312.461
Chứng khoán kinh doanh	121	9	24.771.312.461	24.771.312.461
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		772.588.308.175	769.596.757.638
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	652.590.119.373	667.709.355.838
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.239.250.922	3.878.134.999
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	105.908.826.585	103.560.838.065
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(2.149.888.705)	(5.551.571.264)
Hàng tồn kho	140	13	654.269.595.641	436.506.946.165
Hàng tồn kho	141		654.269.595.641	436.506.946.165
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.667.056.830	2.602.145.202
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.645.805.923	2.580.894.295
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		21.250.907	21.250.907
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		132.581.815.476	98.579.130.194
Tài sản cố định	220		57.623.832.434	63.100.544.081
Tài sản cố định hữu hình	221	14	28.851.220.554	34.327.932.201
<i>Nguyên giá</i>	222		125.621.936.244	128.347.497.562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.770.715.690)	(94.019.565.361)
Tài sản cố định vô hình	227	15	28.772.611.880	28.772.611.880
<i>Nguyên giá</i>	228		31.479.045.080	31.479.045.080
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.353.496.037	16.975.963.247
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	32.353.496.037	16.975.963.247
Tài sản dài hạn khác	260		42.604.487.005	18.502.622.866
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	42.604.487.005	18.502.622.866
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.683.224.011.459	1.387.651.926.178

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.451.655.125.981	1.155.026.696.727
Nợ ngắn hạn	310		1.450.109.907.375	1.153.481.478.121
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	573.076.945.993	443.962.385.687
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.555.619.704	45.067.911.288
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	19	1.266.897.526	2.454.164.952
Phải trả người lao động	314		15.771.447.857	11.343.935.212
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.048.937.309	7.048.937.309
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	99.074.368.529	113.319.999.973
Vay ngắn hạn	320	21	711.941.212.565	529.665.651.984
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.477.892	618.491.716
Nợ dài hạn	330		1.545.218.606	1.545.218.606
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		231.568.885.478	232.625.229.451
Vốn chủ sở hữu	410	22	231.568.885.478	232.625.229.451
Vốn cổ phần	411	23	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	2.444.991.780	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.333.893.698	22.835.229.451
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.444.991.781	-
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm trước	421b		16.888.901.917	22.835.229.451
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.683.224.011.459	1.387.651.926.178

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
 Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư
 Trưởng Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Doãn Liêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ từ ngày 4/1/2016
		thúc ngày 30/6/2017	đến ngày 30/6/2016
		VND	VND
			Chưa soát xét
01	27	1.034.329.298.600	1.116.777.950.166
02	27	2.562.112.771	4.082.561.551
10		1.031.767.185.829	1.112.695.388.615
11		911.876.282.535	998.315.743.285
20		119.890.903.294	114.379.645.330
21	28	5.280.676.504	5.087.347.400
22	29	26.571.974.685	15.261.170.860
23		14.528.737.977	12.877.303.305
25	30	74.002.621.692	73.444.284.556
26	31	4.627.840.349	13.554.802.249
30		19.969.143.072	17.206.735.065
31		2.924.323.532	2.782.898.682
32		1.782.339.208	292.259.205
40		1.141.984.324	2.490.639.477
50		21.111.127.396	19.697.374.542
51	33	4.222.225.479	4.333.422.399
60		16.888.901.917	15.363.952.143
70	34	805	732

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
 Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư
 Trưởng Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Doãn Liêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.111.127.396	19.697.374.542
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.128.824.139	10.139.040.023
Các khoản dự phòng	03		(3.401.682.559)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.556.263.258	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.114.897.704)	(235.235.071)
Chi phí lãi vay	06		14.528.737.977	12.877.303.305
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		43.808.372.507	42.478.482.799
Biến động các khoản phải thu	09		(25.019.459.185)	(101.223.625.690)
Biến động hàng tồn kho	10		(217.762.649.476)	(7.018.115.038)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		105.744.952.806	16.709.573.067
Biến động chi phí trả trước	12		4.115.802.566	4.357.711.320
			(89.112.980.782)	(44.695.973.542)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.080.937.242)	(12.684.684.390)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.700.000.000)	(3.700.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.919.410.434)	(374.004.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(109.813.328.458)	(61.454.662.523)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(28.833.126.911)	(7.108.968.488)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.701.100.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		75.918.346	235.235.071
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.056.108.565)	(6.873.733.417)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND
-------	-------------	--	--

Chưa soát xét

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	1.139.629.444.988	1.066.312.369.314
Tiền trả nợ gốc vay	34	(957.353.884.407)	(986.594.581.139)
Tiền trả cổ tức	36	(16.655.835.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	165.619.725.381	79.717.788.175
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	29.750.288.358	11.389.392.235
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	55.595.634.518	44.392.688.017
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	85.345.922.876	55.782.080.252

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:

Đặng Thị Dư
Trưởng Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Văn phòng Công ty, 2 cơ sở bán buôn và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 1	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00005 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 5	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-008 ngày 28 tháng 11 năm 1998 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Bắc Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-012 ngày 28 tháng 06 năm 2002 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-013 ngày 25 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Đà Nẵng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-014 ngày 24 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Gia Lai	Đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Gia Lai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-015 ngày 8 tháng 2 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Nghệ An	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-016 ngày 5 tháng 4 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 376 nhân viên (1/1/2017: 383 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được Nhà nước phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài nên không thực hiện phân bổ.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước được thanh toán một lần và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 33 đến 45 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	4.434.456.568	3.166.076.898
Tiền gửi ngân hàng	80.911.466.308	52.429.557.620
	85.345.922.876	55.595.634.518

9. Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng cổ phiếu	30/6/2017 và 1/1/2017		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.000.000	20.443.659.675	(*)	-
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.820	2.384.307.722	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	75.000	971.029.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	16.000	300.659.375	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	18.000	472.871.724	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	(*)	-
Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	10	1.000.000	(*)	-
		24.771.312.461	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản chứng khoán kinh doanh này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá gốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	20.616.380.012	21.528.137.990
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương Codupha	1.638.937.630	2.899.512.895
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	170.100.000	6.372.870
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	708.598.800	-
Bên thứ ba		
Bệnh viện Bạch Mai	28.605.323.606	38.329.848.335
Bệnh viện K	28.280.752.570	15.606.187.191
Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	19.998.697.444	24.721.221.089
Công Ty TNHH Thương mại Dược phẩm Duy Anh	15.213.543.351	16.602.361.010
Bệnh viện Tim Hà Nội	14.062.293.254	13.769.141.213
Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp Hải Phòng	13.908.013.693	6.035.863.086
Công Ty TNHH Dược phẩm Rồng Vàng	13.617.208.882	14.372.105.806
Bệnh viện Chợ Rẫy	10.814.879.352	15.695.199.246
Bệnh viện Nhi Trung Ương	10.791.970.010	12.675.261.789
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hòa Bình	10.766.973.362	5.584.684.432
Các khách hàng khác	463.396.447.407	479.883.458.886
	652.590.119.373	667.709.355.838

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác	97.096.175.848	80.743.321.325
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	5.018.303.560	6.528.558.868
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	635.928.999	875.104.999
Tạm ứng	2.361.136.076	-
Phải thu ngắn hạn khác	797.282.102	15.413.852.873
	105.908.826.585	103.560.838.065

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2017		1/1/2017					
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ Phần Y tế Tâm Phúc	Từ 1 năm đến 3 năm	181.874.969	(132.244.116)	49.630.853	Từ 6 tháng đến 3 năm	181.874.969	(111.970.821)	69.904.148
Công ty TNHH Phương Nam - Phòng khám Đa Khoa Phương Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.819.999.545	(545.999.864)	1.273.999.681	Từ 6 tháng đến 1 năm	3.303.999.174	(991.199.752)	2.312.799.422
Công ty TNHH Dược phẩm & Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.597.331.218	(254.520.000)	1.342.811.218	Dưới 6 tháng	848.399.999	-	848.399.999
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.352.750.244	(109.939.875)	2.242.810.369	Dưới 6 tháng	-	-	-
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Từ 6 tháng đến 1 năm	395.577.000	(118.673.100)	276.903.900	Dưới 6 tháng	395.577.000	-	395.577.000
Khác	Từ 1 năm đến 3 năm	6.776.804.528	(988.511.750)	5.788.292.778	Từ 6 tháng đến 2 năm	11.608.320.416	(4.448.400.691)	7.159.919.725
		13.124.337.504	(2.149.888.705)	10.974.448.799		16.338.171.558	(5.551.571.264)	10.786.600.294

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(2.149.888.705)

(5.551.571.264)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND Đã điều chỉnh lại	VND
Hàng mua đang đi trên đường	53.064.234.289	-	2.963.990.149	-
Hàng hóa	601.205.361.352	-	433.542.956.016	-
	<u>654.269.595.641</u>	<u>-</u>	<u>436.506.946.165</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 246.937 triệu VND (1/1/2017: 154.532 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	87.899.469.028	23.470.238.880	15.822.132.909	1.155.656.745	128.347.497.562
Tăng trong kỳ	-	-	-	857.922.500	857.922.500
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	-	-	944.618.182	-	944.618.182
	-	(4.528.102.000)	-	-	(4.528.102.000)
Số dư cuối kỳ	87.899.469.028	18.942.136.880	16.766.751.091	2.013.579.245	125.621.936.244
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	60.169.933.219	19.253.414.383	13.471.397.619	1.124.820.140	94.019.565.361
Khấu hao trong kỳ Thanh lý	4.475.589.008	790.295.880	338.985.926	12.260.873	5.617.131.687
	-	(2.865.981.358)	-	-	(2.865.981.358)
Số dư cuối kỳ	64.645.522.227	17.177.728.905	13.810.383.545	1.137.081.013	96.770.715.690
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	27.729.535.809	4.216.824.497	2.350.735.290	30.836.605	34.327.932.201
Số dư cuối kỳ	23.253.946.801	1.764.407.975	2.956.367.546	876.498.232	28.851.220.554

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 28.597 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 27.457 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.949 triệu VND (1/1/2017: 12.019 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.777.831.880	2.701.213.200	31.479.045.080
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.772.611.880	-	28.772.611.880

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.701 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 2.701 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	16.975.963.247	5.663.594.896
Tăng trong kỳ	16.322.150.972	7.108.968.488
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(944.618.182)	-
Số dư cuối kỳ	32.353.496.037	12.772.563.384

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tòa nhà văn phòng của Công ty	32.353.496.037	16.975.963.247

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	12.035.824.416	2.213.692.921	4.253.105.529	18.502.622.866
Tăng trong kỳ	-	28.729.359.157	-	28.729.359.157
Phân bổ trong kỳ	(3.008.956.104)	(511.692.452)	(1.106.846.462)	(4.627.495.018)
Số dư cuối kỳ	9.026.868.312	30.431.359.626	3.146.259.067	42.604.487.005

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	6.217.351.206	4.713.717.003
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	53.055.030	53.055.030
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbacol	288.962.722	54.378.214
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	6.528.375	9.570.750
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	5.913.600	2.948.400
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	-	560.569.922
Bên thứ ba		
Octapharma AG	103.631.704.757	-
Hyphens Pharma Pte. Ltd	80.792.692.329	17.255.786.817
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	42.840.066.488	38.397.477.955
Ever Neuro Pharma GMBH	39.361.450.513	31.939.205.205
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế LIFE	17.059.532.812	13.750.154.699
Growena Impex Company	15.551.849.807	18.090.084.826
Polpharma S.A. Pharmaceutical Works	14.500.411.996	-
Egis Pharmaceuticals PLC	13.636.685.987	467.274.500
APC Pharmaceuticals and Chemical Limited	12.290.554.244	12.290.554.244
Các nhà cung cấp khác	226.840.186.127	306.377.608.122
	573.076.945.993	443.962.385.687

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	142.616.614	55.326.694.445	(55.430.684.073)	38.626.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp	881.385.182	4.222.225.479	(4.700.000.000)	403.610.661
Thuế thu nhập cá nhân	656.664.137	283.576.785	(738.640.933)	201.599.989
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	773.461.847	1.699.033.677	(1.849.472.806)	623.022.718
Các khoản phải nộp khác				
Phí, lệ phí	37.172	23.017.469	(23.017.469)	37.172
	2.454.164.952	61.554.547.855	(62.741.815.281)	1.266.897.526

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Kinh phí công đoàn	149.559.320	100.359.200
Phải trả hàng ủy thác	79.181.141.856	80.311.936.483
Phải trả hàng vay mượn	6.054.044.420	20.338.559.895
Cổ tức phải trả	127.364.800	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.562.258.133	12.569.144.395
	99.074.368.529	113.319.999.973

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	529.665.651.984	1.139.629.444.988	(957.353.884.407)	711.941.212.565

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	5% - 5,2%	227.105.176.900	134.262.400.339
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ii)	VND	5% - 5,2%	205.781.084.569	128.776.881.357
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	4,9% - 5,1%	30.252.728.583	50.731.241.775
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)	VND	5,5% - 5,6%	14.780.049.133	37.258.584.482
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (i)	VND	4,9% - 5,1%	144.121.323.970	86.159.298.086
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)	VND	4,9% - 5,1%	38.944.339.530	33.251.769.326
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)	USD	1,8%	14.534.763.880	14.057.476.619
Vay cá nhân (iv)	VND	6,6%	36.421.746.000	45.168.000.000
			711.941.212.565	529.665.651.984

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại số 356A đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội có giá trị còn lại là 4.533 triệu VND (1/1/2017: 6.044 triệu VND) (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 246.937 triệu VND (1/1/2017: 154.532 triệu VND) (Thuyết minh 13).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại lô 20 đường số 7, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh có giá trị còn lại là 4.416 triệu VND (1/1/2017: 5.975 triệu VND) (Thuyết minh 14).
- (iv) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 4 tháng 1 năm 2016	209.790.000.000	15.079.729.852	-	224.869.729.852
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	15.363.952.143	15.363.952.143
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 – chưa soát xét	209.790.000.000	15.079.729.852	15.363.952.143	240.233.681.995
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	209.790.000.000	-	22.835.229.451	232.625.229.451
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.888.901.917	16.888.901.917
Phân bổ vào các quỹ	-	2.444.991.780	(2.444.991.780)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.162.045.890)	(1.162.045.890)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(16.783.200.000)	(16.783.200.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	209.790.000.000	2.444.991.780	19.333.893.698	231.568.885.478

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành	<hr/>			
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 16.783 triệu VND cho năm 2016, tương đương 8% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016: không có).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	85.980.607.608	115.628.715.569

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	421.337	9.564.357.618	195.727	4.442.999.722
EUR	6.782	161.732.395	6.781	161.696.627
		9.726.090.013		4.604.696.349

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ từ ngày 4/1/2016
	thức ngày 30/6/2017	đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.024.614.324.437	1.078.967.034.897
▪ Cung cấp dịch vụ	9.714.974.163	37.810.915.269
	1.034.329.298.600	1.116.777.950.166
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.562.112.771)	(4.082.561.551)
Doanh thu thuần	1.031.767.185.829	1.112.695.388.615

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	75.918.346	145.964.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	42.985.693
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.947.502.706	3.897.578.729
Lãi bán hàng trả chậm	1.184.527.452	954.533.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	72.728.000	46.284.521
	5.280.676.504	5.087.347.400

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	14.528.737.977	12.877.303.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.744.532.935	1.864.446.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.556.263.258	-
Chiết khấu thanh toán	700.651.193	-
Chi phí tài chính khác	41.789.322	519.420.585
	26.571.974.685	15.261.170.860

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	32.833.691.857	29.946.763.679
Chi phí vật liệu, bao bì	940.755.103	2.271.492.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.617.131.687	10.139.040.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.660.479.464	21.382.889.012
Chi phí bán hàng khác	12.950.563.581	9.704.099.039
	74.002.621.692	73.444.284.556

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	970.698.800	1.117.592.000
Thuế, phí và lệ phí	18.700.000	1.457.806.996
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.401.682.559)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.596.302.195	9.424.171.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.443.821.913	1.555.231.376
	4.627.840.349	13.554.802.249

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí mua hàng hóa để bán	911.876.282.535	998.315.743.285
Chi phí nhân viên	33.804.390.657	31.064.355.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.128.824.139	10.139.040.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.256.781.659	30.807.060.889
Chi phí khác	12.952.158.038	14.988.630.214

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.222.225.479	4.333.422.399

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.111.127.396	19.697.374.542
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.222.225.479	3.939.474.908
Chi phí không được khấu trừ	-	393.947.491
	4.222.225.479	4.333.422.399

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần trong kỳ	16.888.901.917	15.363.952.143
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	16.888.901.917	15.363.952.143

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 Chưa soát xét
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	20.979.000	20.979.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ từ ngày 4/1/2016
	thức ngày 30/6/2017	đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần</i>		
Cổ tức công bố và đã trả	10.977.240.000	-
Các công ty liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.164.853.621	1.231.697.873
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.071.011.741	17.933.684.002
Cổ tức công bố và đã trả	2.400.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 –</i>		
<i>Pharbaco</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	732.756.000	598.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	223.488.000	1.251.436.219
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	167.628.000	34.653.633
Mua hàng hóa và dịch vụ	952.319.046	24.431.849
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	155.455.800
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương</i>		
<i>Codupha</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.510.630.651	4.218.702.350
Mua hàng hóa và dịch vụ	234.286	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.751.360.000	986.765.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.000.574
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương</i>		
<i>Vidipha</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	220.981.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.184.181	1.439.457.588
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và		
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.106.278.333	787.582.837

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ từ ngày 4/1/2016 đến ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	2.711.626.139	339.335.610

37. Số liệu so sánh

(a) Điều chỉnh lại

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phát hiện sai sót liên quan đến việc ghi nhận hàng ủy thác nhập khẩu trong hàng tồn kho và phải trả ngắn hạn khác trong báo cáo tài chính năm trước chưa phù hợp với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng sai sót này là trọng yếu và cần được điều chỉnh hồi tố. Do đó một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	1/1/2017 Đã điều chỉnh lại VND
Hàng tồn kho	552.135.661.734	(115.628.715.569)	436.506.946.165
Phải trả ngắn hạn khác	228.948.715.542	(115.628.715.569)	113.319.999.973

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	1/1/2017 Đã điều chỉnh lại VND
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	-	115.628.715.569	115.628.715.569

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh kỳ trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là cho kỳ từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 (ngày cổ phần hóa) đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư
Trưởng Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

